

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4538**/BNG-CNV

V/v báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại
năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ
năm 2022

Hà Nội, ngày **29** tháng **10** năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 ban hành Quy chế Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại (Quy chế 272), Kết luận số 33-KL/TW ngày 25/7/2018 về việc tiếp tục thực hiện Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại ban hành kèm theo Quy chế 272 (Kết luận 33) và Hướng dẫn số 05-HD/BĐNTW ngày 26/3/2019 của Ban Đối ngoại Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy chế 272 và Kết luận 33, Bộ Ngoại giao xin đề nghị Quý Ủy ban Báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (*đề cương hướng dẫn kèm theo*).

Bộ Ngoại giao mong nhận được Báo cáo của Quý Ủy ban **trước ngày 01/12/2021** để tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Thông tin liên hệ: đ/c Nguyễn Minh Ngọc, chuyên viên Cục Ngoại vụ, Bộ Ngoại giao; điện thoại: (024) 3799 5201; email ypcucngoaivu@gmail.com

Bộ Ngoại giao trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Ủy ban./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Đối ngoại Trung ương;
- Sở Ngoại vụ các tỉnh/thành phố;
- Lưu: HC, CNV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Tô Anh Dũng

GỢI Ý KHUNG BÁO CÁO DÀNH CHO CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VỀ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 4538/BNG-CNV ngày 24 tháng 10 năm 2021)

I. Bối cảnh:

- Đặc điểm tình hình khu vực và quốc tế năm 2021 tác động tới việc thực hiện các nhiệm vụ của địa phương về đối ngoại, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Khái quát về tình hình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương; nêu rõ các nhiệm vụ của địa phương đối ngoại của địa phương gắn với phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội.

- Đánh giá chung về kết quả hoạt động đối ngoại năm 2021.

II. Công tác chỉ đạo điều hành của địa phương về triển khai đường lối, chủ trương, định hướng đối ngoại và quy định về quản lý hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước:

- Về việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhằm quán triệt, thực hiện đường lối, chủ trương, định hướng đối ngoại và quy định về quản lý hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước như:

+ Ban hành/ điều chỉnh, cập nhật văn bản của cơ quan nhằm thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đảng và Chính phủ về hội nhập quốc tế, đối ngoại đa phương.

+ Tình hình thực hiện Quy chế Quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại theo Kết luận 33-KL/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại ban hành kèm theo Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị khóa XI ban hành Quy chế Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại và Hướng dẫn 05-HD/BĐNTW ngày 26/3/2019 của Ban Đối ngoại Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy chế 272 và Kết luận 33.

- Triển khai Định hướng công tác đối ngoại địa phương giai đoạn 2018-2021 trên cơ sở kết quả Hội nghị Ngoại vụ toàn quốc lần thứ 19.

III. Kết quả triển khai công tác đối ngoại năm 2021:

1. Công tác tổ chức và quản lý đoàn ra/ đoàn vào:

- Việc xây dựng và phê duyệt Kế hoạch đoàn ra, đoàn vào của địa phương (bao gồm cả đoàn cấp Lãnh đạo tỉnh, sở, ban ngành và các đoàn cấp dưới). Đánh giá tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch đã được duyệt.

- Số lượng đoàn ra/đoàn vào năm 2021; số lượng thành viên đoàn cụ thể, tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2020.

- Đánh giá tóm tắt nội dung làm việc chủ yếu, kết quả đạt được, hiệu quả của các đoàn công tác.

- Việc tuân thủ các quy định của Đảng và Nhà nước trong tổ chức đoàn ra (Chỉ thị 38 của Bộ Chính trị; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 256 và các quy định theo Kết luận 33, Quy chế 272); trường hợp vi phạm và hình thức xử lý (nếu có); sự phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong quá trình tổ chức đoàn ra.

2. Công tác ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế do địa phương ký kết; việc gia nhập và/hoặc rút khỏi các tổ chức quốc tế:

Báo cáo theo đề cương nêu tại Mẫu 06 và lập danh mục theo Mẫu 06.1 kèm theo. Riêng đối với Mẫu 06.1, có thể truy cập trực tuyến bằng cách truy cập mã QR hoặc đường link chỉ dẫn.

Để phục vụ công tác tổng hợp nhằm theo dõi và hỗ trợ của Bộ Ngoại giao, xin đề nghị thống kê các cấp quan hệ cấp địa phương theo thỏa thuận quốc tế đã ký kết từ trước tới nay (không giới hạn trong năm 2021) theo Mẫu 6.02 kèm theo.

3. Công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế:

- Báo cáo về việc chỉ đạo, điều hành liên quan đến công tác hội nghị, hội thảo quốc tế theo Quyết định 06/2021/QĐ-TTg ngày 21/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam (Quyết định 06) (xây dựng Quy chế mới, ban hành thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, tổ chức phổ biến, hướng dẫn quy định mới...).

- Tổng hợp số lượng các hội nghị, hội thảo quốc tế do địa phương chủ trì tổ chức và cấp phép cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc và thuộc phạm vi quản lý của địa phương tổ chức, tỷ lệ tăng/ giảm so với năm 2020, (trên cơ sở danh mục thống kê các hội nghị, hội thảo quốc tế theo Quyết định 06 tại Mẫu 07 kèm theo).

- Nội dung chủ yếu của các hội nghị, hội thảo quốc tế, kết quả đạt được; ý nghĩa và đóng góp đối với công tác đối ngoại chung của địa phương cũng như cả nước.

- Công tác quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế của địa phương, xử lý vi phạm (nếu có), đánh giá chất lượng, hiệu quả tổ chức và quản lý hội nghị hội thảo quốc tế.

4. Công tác ngoại giao kinh tế:

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại quốc tế;

- Kết quả hoạt động kinh tế đối ngoại năm 2021:

(i) Giá trị xuất nhập khẩu: tăng/giảm so với năm 2020 và so sánh với dự kiến ban đầu;

(ii) Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI và ODA năm 2021, tăng/giảm so với năm 2020; theo khu vực (châu Á, châu Âu, châu Mỹ,...); quốc gia có mức đầu tư FDI, ODA lớn nhất.

(iii) Tình hình doanh nghiệp địa phương đầu tư ra nước ngoài (nếu có). Tiến độ triển khai các dự án FDI, khó khăn, vướng mắc (nếu có).

- Cập nhật tình hình triển khai Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/2010 về tăng cường công tác NGKT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH; Nghị quyết 22-NQ/TW về Hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 31/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW về Hội nhập quốc tế; trọng tâm hoạt động đối ngoại và triển khai hội nhập quốc tế trong năm 2021; nêu rõ những thuận lợi, khó khăn của địa phương, những ngành, lĩnh vực sản xuất của địa phương đã và đang chịu tác động của quá trình Hội nhập quốc tế; nguyên nhân và đề xuất giải pháp.

5. Công tác vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN):

- Số lượng và giá trị các dự án mới của tổ chức PCPNN triển khai tại địa phương trong năm 2021; số tổ chức đã: có Giấy đăng ký và có địa bàn hoạt động tại địa phương/ có Giấy đăng ký, nhưng không đăng ký địa bàn hoạt động tại địa phương/ chưa có Giấy đăng ký hiện đang triển khai hợp tác.

- Kết quả thực hiện dự án của các tổ chức PCPNN; tỷ lệ tăng/giảm về số lượng và giá trị các dự án so với năm 2020.

- Đánh giá thuận lợi, khó khăn; hiệu quả các dự án.

6. Công tác văn hóa đối ngoại:

- Công tác phối hợp trong quá trình xây dựng, đệ trình, vận động cho các hồ sơ trình UNESCO; công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản; tham dự hội nghị, hội thảo trong khuôn khổ UNESCO (đối với các địa phương đã có danh hiệu của UNESCO và đang lập hồ sơ đệ trình UNESCO).

- Các hoạt động thúc đẩy, gắn kết ngoại giao văn hóa với ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế; quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam; tổ chức các lễ hội, festival quốc tế tại địa phương; đón Đoàn ngoại giao thăm, làm việc và tham gia các hoạt động văn hóa tại địa phương; phối hợp tổ chức các sự kiện ngoại giao văn hóa trong và ngoài nước.

- Tổ chức giảng dạy, cập nhật nâng cao kiến thức ngoại giao văn hóa cho lãnh đạo, cán bộ đối ngoại địa phương.

- Xác định các yếu tố giao lưu văn hóa ở địa phương với các nước khác trong khu vực.

7. Công tác thông tin đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương:

a. Đánh giá công tác quản lý, tranh thủ phóng viên nước ngoài:

- Công tác phối hợp triển khai Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài tại địa phương và Thông tư số 06/2012/TT-BNG ngày 10/12/2012 của Bộ Ngoại giao về việc ban hành biểu mẫu triển khai thực hiện một số điều của Nghị định 88.

- Việc giải quyết các đề nghị của phóng viên nước ngoài hoạt động báo chí tại địa phương, những điểm cần lưu ý khi phối hợp xử lý phóng viên nước ngoài đến tác nghiệp tại địa phương; thống kê số đoàn, số phóng viên và nội dung hoạt động báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương.

b. Đánh giá công tác thông tin đối ngoại

- Công tác phối hợp trong thông tin tuyên truyền đối ngoại; quảng bá địa phương; giải thích, vận động, đấu tranh dư luận đặc biệt khi có các vụ việc xảy ra tại địa phương.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng về công tác thông tin đối ngoại, kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, trả lời phỏng vấn báo chí, xử lý khủng hoảng... cho cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại tại địa phương.

c. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa địa phương với Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc triển khai các hoạt động thông tin đối ngoại, tuyên truyền quảng bá địa phương.

d. Hiệu quả tăng cường thông tin quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam tại địa phương; giới thiệu cơ hội đầu tư, tiềm năng hợp tác phát triển kinh tế của địa phương.

8. Công tác biên giới lãnh thổ:

a. Các tỉnh biên giới đất liền với Trung Quốc:

- Tình hình công tác quản lý biên giới, xử lý các sự kiện biên giới: các vi phạm ảnh hưởng đến đường biên giới, mốc giới, xâm canh, xâm cư, buôn lậu; người xuất nhập cảnh trái phép...

- Những vấn đề tồn tại, khó khăn cần tháo gỡ với Trung Quốc.

- Tình hình thực hiện Chỉ thị 1326/CT-TTg ngày 27/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện các văn kiện biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc.

- Tình hình hợp tác giữa các địa phương giáp biên với địa phương Trung Quốc, nhất là hợp tác quản lý lao động qua biên giới, khả năng nhân rộng mô hình

quản lý hợp tác lao động qua biên giới ra các địa phương trên toàn tuyến biên giới Việt – Trung.

- Công tác tập huấn, tuyên truyền về các văn kiện pháp lý biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc.

- Những vấn đề cần tháo gỡ.

b. Các tỉnh biên giới đất liền với Lào

- Tình hình triển khai công tác tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc quốc giới và công tác quản lý biên giới, trong đó đề nghị nêu cụ thể: tiến độ giải quyết các vấn đề phát sinh; các sự kiện nổi bật.

- Việc tìm kiếm, cất bốc, hồi hương mộ liệt sỹ Việt Nam hy sinh tại Lào; hoạt động của Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán, các tổ chức PCPNN tại địa phương; hợp tác các tỉnh biên giới Việt – Lào; hợp tác tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia.

- Báo cáo tình hình triển khai Đề án Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Lào về giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam – Lào; tổng hợp đánh sách người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam – Lào.

c. Các tỉnh biên giới đất liền Campuchia

- Tình hình, kết quả triển khai công tác phân giới, cắm mốc quốc giới và công tác quản lý biên giới, trong đó đề nghị nêu cụ thể: tiến độ giải quyết các vấn đề phát sinh; các sự kiện nổi bật; những khó khăn, vướng mắc.

- Tình hình triển khai công tác tuyên truyền về phân giới, cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia.

- Việc tìm kiếm, cất bốc, hồi hương mộ liệt sỹ Việt Nam hy sinh tại Campuchia; hoạt động của Đại sứ quán, Tổng lãnh sự, các tổ chức phi chính phủ tại địa phương hợp tác các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia; hợp tác tam giác phát triển Việt Nam – Campuchia – Lào.

d. Các tỉnh ven biển:

- Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ biển tại địa phương.

- Vấn đề quản lý tàu cá, ngư dân; chính sách khuyến khích và đãi ngộ ngư dân đánh bắt xa bờ; tình trạng tàu cá/ ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài (so sánh tăng/giảm so với năm trước).

- Hoạt động và phối hợp trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, bao gồm cả hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong công tác này.

- Tình hình sưu tầm, tìm kiếm tài liệu và chứng cứ lịch sử khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa ở địa phương.

- Kế hoạch tìm kiếm, cất bốc, hồi hương mộ liệt sỹ hi sinh trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa.

- Công tác tập huấn, tuyên truyền pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ quyền biển, đảo.

- Tình hình hợp tác quốc tế (hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài, hợp tác trong lĩnh vực tàu thuyền, đánh bắt...); việc triển khai các Đề án, dự án liên quan đến biển đảo có yếu tố nước ngoài; tình trạng tàu cá/ ngư dân nước ngoài vi phạm vùng biển của ta; quản lý, kiểm soát việc phát hành, lưu hành các ấn phẩm, sản phẩm có nội dung nhạy cảm về biển đảo có thể ảnh hưởng đến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta về chủ quyền biển đảo.

e. Tình hình hợp tác xuyên biên giới phòng chống dịch bệnh Covid-19.

9. Công tác lãnh sự và bảo hộ công dân:

- Tình hình xuất nhập cảnh (số lượng đoàn ra, trong đó có số liệu về cán bộ công chức địa phương đi công tác nước ngoài và người địa phương xuất cảnh ra nước ngoài; số lượng đoàn vào, gồm số lượng khách đối ngoại và người nước ngoài vào đầu tư, du lịch...)

- Tình hình công dân địa phương vi phạm pháp luật nước ngoài, nhất là các tình giáp biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia (số lượng công dân xuất cảnh, cư trú và lao động trái phép tại nước ngoài); số liệu công dân nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam, bị đưa ra xét xử, thi hành án và hoạt động thăm lãnh sự của CQĐD nước ngoài tại Việt Nam.

- Các hoạt động phối hợp ứng phó thảm họa thiên tai, cứu hộ, cứu nạn hoặc xử lý các tình huống lãnh sự khẩn cấp (tại địa phương và ở nước ngoài) xảy ra đối với công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài.

- Cơ chế trao đổi thông tin và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác lãnh sự giữa Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố (Sở Ngoại vụ) và Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự).

- Công tác hướng dẫn, tuyên truyền và triển khai thực hiện pháp luật liên quan đến công tác lãnh sự và bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

- Công tác bảo hộ ngư dân ta bị lực lượng chức năng của nước ngoài bắt giữ, xét xử.

- Công tác lãnh sự và bảo hộ công dân trong trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19.

10. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài:

- Tình hình, số lượng và hoạt động của kiều bào đang sinh sống, đầu tư, kinh doanh, hợp tác nghiên cứu văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, thăm thân,

du lịch tại địa phương (tăng, giảm so với năm trước, nguyên nhân); nghiên cứu, đánh giá số lượng kiều bào là người địa phương hiện đang sinh sống ở nước ngoài.

- Thông tin về các dự án của kiều bào tại địa phương (số lượng, quy mô, số vốn, lĩnh vực hoạt động...)

- Thông tin về Hội thân nhân kiều bào, Hội liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương (tên gọi, tôn chỉ, mục đích, số lượng hội viên, địa chỉ, ngày thành lập, các hoạt động...).

- Các hoạt động dành cho kiều bào do địa phương tổ chức.

- Công tác liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương (giải quyết khiếu kiện, tố cáo, khen thưởng, các lĩnh vực lãnh sự, tư pháp khác...).

- Thông tin về người Việt Nam có công đang định cư ở nước ngoài.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến cho kiều bào và thân nhân kiều bào về đất nước, địa phương; vận động kiều bào và thân nhân kiều bào về tham gia đóng góp phát triển quê hương.

- Hỗ trợ doanh nhân, trí thức kiều bào về đầu tư, làm việc tại địa phương, đặc biệt là việc đơn giản hóa thủ tục hành chính.

11. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh đã tặng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích xuất sắc được địa phương công nhận:

(Mẫu 9 kèm theo)

12. Công tác thanh tra chuyên ngành:

Việc triển khai công tác thanh tra chuyên ngành tại địa phương theo quy định tại Nghị định 17/2017/NĐ-CP và định hướng của Thanh tra Bộ Ngoại giao.

- Tổng số cuộc thanh tra chuyên ngành, thanh tra độc lập trong năm 2021 và kế hoạch thanh tra năm 2022 (bao gồm cả thanh tra các tổ chức phi chính phủ nước ngoài); số đối tượng được thanh tra (cá nhân, tổ chức).

- Những lĩnh vực thanh tra theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Nghị định 17/2014/NĐ-CP (số cá nhân, tổ chức vi phạm; nội dung vi phạm; kết quả xử lý sau thanh tra)

- Những thuận lợi, khó khăn và những kiến nghị, đề xuất giải pháp.

13. Xây dựng nội bộ và công tác phối hợp:

a. Xây dựng nội bộ:

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật trong việc quản lý đối ngoại tại địa phương: Đã xây dựng hoặc dự kiến sẽ xây dựng những văn bản nào.

- Những thay đổi trong tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại trong năm 2021 (nếu có).

- Các hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn về kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác đối ngoại.

b. Công tác phối hợp:

Đánh giá kết quả phối hợp tổ chức triển khai các hoạt động đối ngoại với các cơ quan đầu mối ở Trung ương và các cơ quan có liên quan.

IV. Khó khăn vướng mắc, nguyên nhân:

Đề nghị làm rõ:

- Những khó khăn, hạn chế vướng mắc trong quá trình triển khai công tác đối ngoại tại địa phương; những mặt làm được và chưa làm được.

- Nguyên nhân chủ quan và khách quan.

V. Phương hướng công tác đối ngoại năm 2022:

- Dự báo về tình hình chính trị, an ninh, kinh tế quốc tế và khu vực có thể tác động đến địa phương; các nhiệm vụ đối ngoại đặt ra với địa phương trong thời gian tới.

- Nêu rõ các trọng tâm, nội dung, kế hoạch trọng tâm trong 2022; các biện pháp, giải pháp thực hiện.

VI. Đề xuất giải pháp, kiến nghị để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại nói chung của địa phương:

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại địa phương nói chung, hoàn thiện bộ máy cơ quan ngoại vụ, tăng cường đào tạo bồi dưỡng trong năm 2022.

- Những kiến nghị, đề xuất cụ thể tới Chính phủ, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan.

- Các vấn đề cần sự hỗ trợ của Bộ Ngoại giao trong năm 2022./.

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:.....

BẢNG TỔNG HỢP ĐOÀN RA, ĐOÀN VÀO NĂM 2021**I- ĐOÀN RA****1. Danh sách các đoàn do cấp có thẩm quyền ở Trung ương phê duyệt**

TT	Tên đoàn	Trưởng đoàn	Nước đi	Đối tác làm việc	Nội dung hoạt động	Số người	Thời gian thực hiện/dự kiến thực hiện ban đầu	Kinh phí	Báo cáo	Đoàn trong Kế hoạch	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
ĐOÀN ĐÃ THỰC HIỆN											
1											
2											

Đầu mối liên hệ về đoàn ra, đoàn vào: (ghi rõ Họ tên, Chức vụ, Số điện thoại, email)**Ghi chú:**

- 1- "Tên đoàn": Đoàn cấp nào, đối tượng nào (Ví dụ: Đoàn Lãnh đạo cơ quan/tổ chức/địa phương, Đoàn cán bộ cấp Vụ, chuyên viên...).
- 2- "Trưởng đoàn": Ghi rõ họ tên, chức vụ của Trưởng đoàn.
- 3- "Nước đi": Ghi đầy đủ các nước đi công tác theo lộ trình.
- 4- "Đối tác làm việc": Ghi rõ những đối tác làm việc chính.
- 5- "Nội dung hoạt động": Ghi những nội dung làm việc chính.
- 6- "Số người": Ghi rõ tổng số thành viên tham gia Đoàn, bao gồm cả Trưởng đoàn.
- 7- "Thời gian thực hiện": Ghi cụ thể từ ngày, tháng, năm nào tới ngày, tháng, năm nào.
- 8- "Kinh phí": Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, kinh phí lấy từ nguồn nào; phía đối tác chi những khoản nào.
- 9- "Báo cáo": Ghi rõ số và ngày phát hành văn bản báo cáo kết quả hoạt động của đoàn/văn bản báo cáo hoãn đoàn, nơi gửi báo cáo (bỏ trống nghĩa là không có báo cáo).
- 10- "Đoàn trong Kế hoạch": Đánh dấu (x) nếu là đoàn có trong kế hoạch đã được duyệt, bỏ trống nếu là đoàn ngoài kế hoạch.

P

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số đoàn đi công tác do cơ quan, đơn vị chủ trì	Số lượt tham gia đoàn của các cơ quan, đơn vị khác	Số đoàn khác	Nguồn kinh phí		Số đoàn trong/ngoài Kế hoạch	
					NSNN	Nguồn khác	Trong	Ngoài
	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐOÀN ĐÃ THỰC HIỆN								
1								
2								
	Tổng cộng							

Ghi chú:

1- "Tên cơ quan, đơn vị": Ghi rõ tên từng cơ quan, đơn vị (Ví dụ: 1. Sở Ngoại vụ; 2. Sở Giáo dục và Đào tạo;...).

Các cơ quan, đơn vị chỉ cần thống kê số lượng đoàn ra là những cơ quan, đơn vị khi đi nước ngoài cần có phê duyệt của lãnh đạo bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ, lãnh đạo địa phương như: các cục, vụ, sở, ban, ngành, địa phương trực thuộc tỉnh/thành phố; các tổ chức nhân dân tại địa phương; các doanh nghiệp nhà nước hoặc có vốn đầu tư của nhà nước trực thuộc các bộ, các địa phương;...

2- "Số đoàn đi công tác do cơ quan, đơn vị chủ trì": Ghi số lượng các đoàn do cơ quan, đơn vị trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương chịu trách nhiệm tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ (không thống kê những trường hợp cơ quan, đơn vị được giao tổ chức các đoàn cấp bộ, tỉnh; do những đoàn này đã được thống kê tại mục 1. VD: Sở Ngoại vụ được giao tổ chức đoàn cấp tỉnh).

3- "Số lượt tham gia đoàn của các cơ quan, đơn vị khác": Ghi rõ số lượt cán bộ của cơ quan, đơn vị mình được cử tham gia đoàn do các cơ quan, đơn vị, địa phương khác chủ trì. (Ví dụ: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh A cử 15 lượt cán bộ tham gia các đoàn đi nước ngoài trong đó 8 lượt tham gia đoàn của Trung ương, 3 lượt tham gia đoàn của Sở Nội vụ, 4 lượt tham gia đoàn của Sở Tài nguyên và Môi trường;...).

4- "Số đoàn khác": Ghi rõ số lượng các đoàn hoặc các cá nhân đi nước ngoài vì việc riêng như du lịch, học tập (tự túc), thăm thân, khám chữa bệnh,... (theo dõi, quản lý đến đâu thì cung cấp số liệu đến đó).

5- "NSNN" (Ngân sách nhà nước): Ghi rõ số lượng các đoàn sử dụng ngân sách nhà nước (toàn bộ hoặc 1 phần).

6- "Nguồn khác": Ghi rõ số lượng các đoàn sử dụng các nguồn kinh phí khác (chỉ tính những đoàn sử dụng toàn bộ kinh phí không phải từ ngân sách nhà nước).

7- "Trong Kế hoạch": Ghi rõ số lượng các đoàn có trong Kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8- "Ngoài Kế hoạch": Ghi rõ số lượng các đoàn phát sinh.

Lưu ý:

(i) Thống kê riêng số lượng đoàn công tác do địa phương chủ trì, tổ chức và số lượng tham gia các đoàn do cơ quan Trung ương hoặc địa phương khác chủ trì tổ chức (như: tháp tùng Lãnh đạo Cấp cao, tham gia đoàn 165...);

(ii) Không thống kê các đoàn ra đi tham quan, du lịch, thăm thân, khám sức khỏe, đi vì việc riêng,...

II- ĐOÀN VÀO

1. **Danh sách các đoàn vào do cấp có thẩm quyền ở Trung ương phê duyệt:** *chi thống kê các hoạt động đón đoàn từ nước ngoài vào (có thủ tục xuất - nhập cảnh) do cơ quan, tổ chức, địa phương chủ trì; đối với việc đón tiếp khách nước ngoài (chẳng hạn: đoàn các đại sứ quán, tổng lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam,...) thì thống kê riêng bằng một bảng khác nếu thấy cần thiết phải báo cáo.*

STT	Tên đoàn	Trưởng đoàn	Đến từ nước	Nội dung hoạt động	Số người	Thời gian thực hiện/dự kiến thực hiện ban đầu	Kinh phí	Báo cáo	Đoàn Trong KH	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐOÀN ĐÃ THỰC HIỆN										
1										
2										

Đầu mỗi liên hệ về đoàn ra, đoàn vào: (ghi rõ Họ tên, Chức vụ, Số điện thoại, email)

Ghi chú:

- 1- "**Tên đoàn**": Đoàn của nước/cơ quan/địa phương/đối tác...
- 2- "**Trưởng đoàn**": Ghi rõ họ tên, chức vụ của Trưởng đoàn.
- 3- "**Đến từ nước**": Ghi rõ nước cử đoàn vào; trường hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi tên nước đặt trụ sở.
- 4- "**Nội dung hoạt động**": Những nội dung làm việc chính.
- 5- "**Số người**": Ghi rõ tổng số khách nước ngoài vào Việt Nam, bao gồm cả Trưởng đoàn.
- 6- "**Thời gian thực hiện**": Ghi cụ thể đoàn vào Việt Nam từ ngày, tháng, năm nào tới ngày, tháng, năm nào.
- 7- "**Kinh phí**": Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, kinh phí lấy từ nguồn nào; phía đối tác chi những khoản nào.
- 8- "**Báo cáo**": Ghi rõ số và ngày phát hành văn bản báo cáo kết quả hoạt động của đoàn, nơi gửi Báo cáo (*Bỏ trống nghĩa là không có báo cáo*).
- 9- "**Đoàn trong Kế hoạch**": Đánh dấu (x) nếu là đoàn có trong kế hoạch đã được duyệt, bỏ trống nếu là đoàn ngoài kế hoạch.

2. Số lượng các đoàn cấp cục/vụ/sở/ngành/địa phương trực thuộc: chỉ thống kê số lượng đoàn từ nước ngoài vào (có thủ tục xuất - nhập cảnh) do cơ quan, tổ chức, địa phương chủ trì; đối với việc đón tiếp khách nước ngoài (chẳng hạn: đoàn các ĐSQ, TLSQ nước ngoài tại VN, tổ chức PCPNN tại VN,...) thì thống kê riêng bằng một bảng khác nếu thấy cần thiết phải báo cáo.

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Số đoàn do cơ quan/đơn vị chủ trì đón	Số đoàn do cơ quan, đơn vị phối hợp đón	Số đoàn khác	Nguồn kinh phí		Trong/ngoài Kế hoạch	
					NSNN	Nguồn khác	Trong	Ngoài
	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐOÀN ĐÃ THỰC HIỆN								
1								
2								
	Tổng cộng							

Ghi chú:

1- "Tên cơ quan, đơn vị": Ghi rõ tên từng cơ quan, đơn vị (VD: 1. Sở Ngoại vụ; 2. Sở Giáo dục - Đào tạo;...).

2- "Số đoàn đi công tác do cơ quan, đơn vị chủ trì đón": Ghi số lượng các đoàn do cơ quan, đơn vị trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương mời, thu xếp chương trình làm việc,...theo chức năng, nhiệm vụ (không thống kê trường hợp các cơ quan, đơn vị được giao thu xếp đón các đoàn khách của bộ/tỉnh; dạng đoàn này đã được thống kê ở mục 1. VD: Sở Ngoại vụ được giao tổ chức đoàn cấp tỉnh).

3- "Số đoàn do các cơ quan, đơn vị phối hợp đón": Ghi rõ số lượng đoàn mà cơ quan/đơn vị được cơ quan/đơn vị khác đề nghị phối hợp làm việc, đón tiếp,...

4- "Số đoàn khác": Ghi rõ số lượng các đoàn hoặc các cá nhân vào vì việc riêng như du lịch, học tập (tự túc), thăm thân, khám chữa bệnh,... (chủ yếu ở khối địa phương - theo dõi, quản lý đến đâu thì cung cấp số liệu đến đó).

5- "NSNN" (Ngân sách nhà nước): Ghi rõ số lượng các đoàn sử dụng ngân sách nhà nước (toàn bộ hoặc 1 phần).

6- "Nguồn khác": Ghi rõ số lượng các đoàn sử dụng các nguồn kinh phí khác (chỉ tính những đoàn sử dụng toàn bộ kinh phí không phải từ ngân sách nhà nước).

7- "Trong Kế hoạch": Ghi rõ số lượng các đoàn có trong Kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8- "Ngoài Kế hoạch": Ghi rõ số lượng các đoàn phát sinh.

Lưu ý:

Không thống kê các đoàn vào là các cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức PCPNN, cơ quan nước ngoài tại Việt Nam thăm và làm việc tại địa phương (tính vào nội dung tiếp khách quốc tế).

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:.....

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN RA NĂM 2022 CỦA LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG

TT	Tên đoàn	Trưởng đoàn	Nước đi	Đối tác làm việc	Nội dung hoạt động	Số người	Số ngày	Thời gian thực hiện	Kinh phí	Ghi chú
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
1										
2										
...										

Đầu mỗi liên hệ về đoàn ra, đoàn vào: (ghi rõ Họ tên, Chức vụ, Số điện thoại, email)

Ghi chú:

- 1- "Tên đoàn": Đoàn cấp nào, đối tượng nào (Ví dụ: Đoàn Lãnh đạo cơ quan/tổ chức/địa phương, Đoàn cán bộ cấp Vụ/Sở/Huyện/chuyên viên...).
- 2- "Trưởng đoàn": Ghi rõ cấp Trưởng đoàn dự kiến (chi tổng hợp đoàn của Bí thư tỉnh/thành ủy, Chủ tịch UBND/HĐND tỉnh, Phó Bí thư tỉnh/thành ủy, Phó Chủ tịch UBND/HĐND tỉnh/thành, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội, Ủy viên Trung ương, Ủy viên dự khuyết Trung ương).
- 3- "Nước đi": Ghi đầy đủ các nước đến công tác theo lộ trình.
- 4- "Đối tác làm việc": Ghi rõ những đối tác chính dự kiến làm việc.
- 5- "Nội dung hoạt động": Ghi những nội dung làm việc chính.
- 6- "Số người": Ghi rõ tổng số thành viên tham gia Đoàn, bao gồm cả Trưởng đoàn (không bao gồm doanh nghiệp tham gia đoàn).
- 7- "Số ngày": Tổng số thời gian chuyến đi (không tính thời gian đi, về của đoàn)
- 8- "Thời gian thực hiện": Ghi cụ thể đến tháng hoặc Quý.
- 9- "Kinh phí": Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, kinh phí lấy từ nguồn nào; phía đối tác chi những khoản nào.

Lưu ý:

1. Đề nghị xây dựng kế hoạch sát với thực tiễn, tránh tình trạng đăng ký tràn lan trên cơ sở nắm chắc tình hình, diễn biến dịch Covid-19 tại nước đến. Chỉ triển khai đoàn đi công tác nước ngoài có nội dung làm việc thực sự quan trọng, cần thiết. Chưa tổ chức các đoàn đi nghiên cứu, học tập, thăm viếng thông thường như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 2451/VPCP-QHT-m ngày 31/8/2021.

2. Bộ Ngoại giao sẽ KHÔNG tổng hợp các đoàn:

(i) Tham gia tháp tùng Lãnh đạo cấp cao;

(ii) Tham gia đoàn liên ngành do cơ quan khác chủ trì (Hội nghị WCS, đoàn học tập theo đề án 165,..)

(iii) Đoàn khác không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (đoàn cấp sở, ngành...)

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:.....

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN VÀO NĂM 2022 CỦA LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên đoàn	Trưởng Đoàn	Đến từ nước	Nội dung hoạt động	Số người	Số ngày	Thời gian thực hiện	Kinh phí	Ghi chú
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
<i>1</i>									
<i>2</i>									
....									

Đầu mối liên hệ về đoàn ra, đoàn vào: (ghi rõ Họ tên, Chức vụ, Số điện thoại, email)

Ghi chú:

- 1- "**Tên đoàn**": Đoàn của nước/cơ quan/tổ chức/địa phương nào.
- 2- "**Trưởng đoàn**": Ghi rõ cấp Trưởng đoàn dự kiến.
- 3- "**Đến từ nước**": Ghi rõ nước cử đoàn vào; trường hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi tên nước đặt trụ sở.
- 4- "**Nội dung hoạt động**": Những nội dung làm việc chính.
- 5- "**Số người**": Ghi rõ tổng số khách nước ngoài dự kiến vào Việt Nam, bao gồm cả Trưởng đoàn.
- 6- "**Số ngày**": Tổng số ngày ở Việt Nam (*không tính thời gian đi, về của đoàn vào*).
- 7- "**Thời gian thực hiện**": Ghi cụ thể đến tháng hoặc quý.
- 8- "**Kinh phí**": Ghi cụ thể phía đối tác chi những khoản nào; phía Việt Nam chi những khoản nào và lấy từ nguồn kinh phí nào.
(*Ngân sách Đảng, Ngân sách Nhà nước, tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước...*)

TÊN CƠ QUAN

....., ngày..... tháng năm 2021

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN QUỐC TẾ NĂM 2021**

Báo cáo gồm các nội dung chính như sau:

I. Tình hình ký kết ĐUQT, TTQT năm 2021

1. Thống kê

- Thống kê các văn bản được ký kết năm 2021, gồm:

(i) Các ĐUQT nhân danh Nhà nước, Chính phủ do Quý Cơ quan đề xuất ký;

(ii) Các TTQT theo Luật TTQT 2020 gồm:

- TTQT nhân danh Nhà nước, Chính phủ do Quý Cơ quan đề xuất ký;

- Văn bản ký nhân danh cơ quan nhà nước ở Trung ương, cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cơ quan trung ương của tổ chức;

- Văn bản ký nhân danh tổng cục, cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh.

- Thống kê các ĐUQT, TTQT đã chấm dứt hiệu lực trong năm 2021.

2. Đánh giá việc thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật

Nêu đánh giá việc tuân thủ quy định của pháp luật về ký kết ĐUQT, TTQT, đặc biệt là các khó khăn vướng mắc, vấn đề cần lưu ý, việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật ĐUQT năm 2016, Luật TTQT năm 2020 và nêu đề xuất (nếu có) liên quan đến quá trình ký kết ĐUQT và TTQT.

II. Tình hình thực hiện ĐUQT, TTQT trong năm 2021

1. Tình hình và kết quả thực hiện ĐUQT, TTQT thuộc phạm vi quản lý của Cơ quan

(Cần đánh giá việc thực hiện các ĐUQT và thỏa thuận nhân danh Nhà nước, Chính phủ đang có hiệu lực, TTQT do Quý Cơ quan chủ trì hoặc phối hợp thực hiện, kể cả ĐUQT, TTQT được ký kết trước đây; TTQT nhân danh đơn vị trực thuộc ký từ ngày 01/7/2021 đến nay)

- Các công việc đã triển khai và kết quả đạt được theo quy định tại Chương VIII Luật ĐUQT (đặc biệt là Điều 79) và Chương V của Luật TTQT, việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 22/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

* Đề nghị gửi bản mềm về hộp thư điện tử của Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế - Bộ Ngoại giao : treaty.mofavn@gmail.com với mẫu tên gọi như sau để thuận tiện cho việc thống kê: Tên cơ quan (không dấu) - Báo cáo ĐUQT, TTQT 2021. Thông tin chi tiết xin liên hệ Phòng Điều ước quốc tế, dt: 024 37995815, fax: 024 37995800

ngày 23/5/2017 về tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

- Những công việc chưa triển khai theo dự kiến kế hoạch.

2. Đánh giá tình hình thực hiện ĐUQT, TTQT

- Vấn đề tồn tại, nguyên nhân tồn tại.
- Kiến nghị giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

III. Dự kiến kế hoạch năm 2022

Nêu dự kiến các ĐUQT, TTQT ký năm 2022; các công việc sẽ triển khai trong năm 2022 nhằm thực hiện ĐUQT, TTQT đang có hiệu lực của Quý Cơ quan và của đơn vị trực thuộc Quý Cơ quan.

IV. Kiến nghị khác (nếu có)./.

** Đề nghị Quý Cơ quan/tổ chức lập bảng thống kê với các nội dung theo Mẫu 06.1 đính kèm. Có thể khai trực tuyến (truy cập bằng mã QR hoặc đường link).*



Mã QR và link để khai mẫu 6.1 trực tiếp trên Googleform: <http://shorturl.at/cjqOX>

*** Đề nghị gửi bản mềm về hộp thư điện tử của Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế - Bộ Ngoại giao : treaty.mofavn@gmail.com với mẫu tên gọi như sau để thuận tiện cho việc thống kê: Tên cơ quan (không dấu) - Báo cáo ĐUQT, TTQT 2021. Thông tin chi tiết xin liên hệ Phòng Điều ước quốc tế, đt: 024 37995815, fax: 024 37995800**

TÊN CƠ QUAN: _____

DANH MỤC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN QUỐC TẾ NĂM 2021, DỰ KIẾN KỶ NĂM 2022

TT	Loại Văn bản ký	Danh nghĩa ký	Cơ quan đề xuất ký ĐƯQT và TTQT nhân danh Nhà nước Chính phủ	Cơ quan ký Thỏa thuận quốc tế	Bên ký kết nước ngoài (quốc gia, tổ chức, quốc gia mà đối tác mang quốc tịch)	Tên văn bản (tên đầy đủ)	Ngày ký	Ngày hiệu lực	Ngày chấm dứt hiệu lực	Tình trạng Điều ước quốc tế	Tình trạng Thỏa thuận quốc tế	Loại ký	Ghi chú	Điện thoại cơ quan
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Đề nghị gửi bản chính của điều ước quốc tế, bản sao của thỏa thuận quốc tế (trừ thỏa thuận quốc tế của đơn vị trực thuộc theo Nghị định 64/2021/NĐ-CP) kèm theo Báo cáo nếu chưa gửi Bộ Ngoại giao trước đó.

Đề nghị gửi bản danh mục về hộp thư điện tử của Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao : treaty.mofavn@gmail.com với mẫu củ pháp như sau để tiện thống kê: Tên cơ quan (không dấu)- Báo cáo ĐƯQT, TTQT nam 2021
 Thông tin chi tiết xin liên hệ Phòng Điều ước quốc tế, đt 024 37995815, fax: 024 37995800



Mã QR và link để khai mẫu 6.1 trực tiếp trên Googleform: <http://shorturl.at/cjqOX>

Cột	Loại cột	Cách nhập
1	Loại Văn bản ký	Điều ước Quốc tế/Thỏa thuận quốc tế
2	Danh nghĩa ký	Nhà nước / Chính phủ / Quốc hội / Bộ ngành / Tỉnh / TTQT cấp cục, tổng cục / TTQT cấp Sở / TTQT cấp huyện / TTQT cấp xã biên giới / TTQT cơ quan Trung ương của tổ chức / TTQT cơ quan cấp tỉnh của tổ chức
3	Cơ quan đề xuất ký ĐƯQT và TTQT nhân danh Nhà nước Chính phủ	
4	Cơ quan ký Thỏa thuận quốc tế	
5	Bên ký kết nước ngoài (quốc gia, tổ chức quốc tế, quốc gia mà công ty mang quốc tịch)	
6	Tên văn bản (tên đầy đủ)	Đề nghị viết chính xác, đầy đủ tên của văn kiện.
7	Ngày ký	
8	Ngày hiệu lực	
9	Ngày chấm dứt hiệu lực	
10	Tình trạng Điều ước quốc tế	Đang hiệu lực/ Đã ký, Bên Việt Nam chưa Phê chuẩn - Phê duyệt/ Đã ký, chờ Bên nước ngoài Phê chuẩn, Phê duyệt/ Đã hết hiệu lực/ Dự kiến ký 2022
11	Tình trạng Thỏa thuận quốc tế	Đang hiệu lực/ Đã hết hiệu lực/ Dự kiến ký 2022
12	Điện thoại cơ quan	
13	Loại ký	Ký nhân dịp đoàn cấp cao/ Ký trực tiếp/ Ký trực tuyến/ Ký luân phiên
14	Ghi chú	

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Địa điểm, ngày tháng.....năm.....

V/v báo cáo tình hình tổ chức và quản lý hội
nghị, hội thảo quốc tế của (Bộ, ngành, địa
phương) năm...

Kính gửi: Bộ Ngoại giao.

**I. THỐNG KÊ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO ĐÃ TỔ CHỨC VÀ CHO PHÉP TỔ CHỨC NĂM VÀ DỰ KIẾN TỔ
CHỨC HOẶC CHO PHÉP TỔ CHỨC NĂM**

STT	Tên/ Chủ đề hội nghị, hội thảo	Đơn vị tổ chức	Đơn vị phối hợp	Cấp cho phép	Số lượng đại biểu			Chủ đề, nội dung hội nghị, hội thảo	Thời gian thực hiện	Địa điểm tổ chức	Nguồn, tổng kinh phí	Tình trạng báo cáo	
					Người Việt Nam	Người nước ngoài							
						Ở trong nước	Từ nước ngoài vào						Đến từ nước/ tổ chức quốc tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
HỘI NGHỊ, HỘI THẢO ĐÃ TỔ CHỨC VÀ CHO PHÉP TỔ CHỨC NĂM													
...	
Tổng số:													
HỘI NGHỊ, HỘI THẢO DỰ KIẾN TỔ CHỨC VÀ CHO PHÉP TỔ CHỨC NĂM													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
...
Tổng số:													

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tình hình quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.
2. Khó khăn, vướng mắc, những sự cố phát sinh (nếu có) và hướng xử lý.
3. Kinh nghiệm rút ra về công tác tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Chữ ký, đóng dấu)

Họ và tên

Chú thích:

- (1) Tên/ Chủ đề hội nghị, hội thảo: Nêu rõ tên hoặc chủ đề hội nghị, hội thảo
- (2) Đơn vị tổ chức: Tên cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện các thủ tục xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế. **Nêu rõ đơn vị trực thuộc hay thuộc thẩm quyền quản lý/cho phép hoạt động của Bộ, cơ quan ngang Bộ/UBND cấp tỉnh.**
- (3) Đơn vị phối hợp: Nêu rõ các cơ quan, đơn vị, tổ chức Việt Nam và nước ngoài phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế
- (4) Cấp cho phép: Ghi rõ cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo Điều 3 của Quyết định này (Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ/Chủ tịch UBND tỉnh).
- (5) Số lượng đại biểu người Việt Nam: Ghi rõ tổng số khách Việt Nam tham dự hoạt động
- (6) Số lượng đại biểu nước ngoài ở trong nước: Ghi rõ tổng số khách nước ngoài đang ở Việt Nam tham dự hội nghị, hội thảo (như: cán bộ Đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam, chuyên gia của tổ chức quốc tế đang làm việc tại Việt Nam...)
- (7) Số lượng đại biểu nước ngoài từ nước ngoài vào: Ghi rõ tổng số khách nước ngoài làm thủ tục xuất nhập cảnh vào Việt Nam để tham dự hội nghị, hội thảo.
- (8) Đến từ nước/ tổ chức quốc tế: Ghi rõ các nước/ tổ chức quốc tế cử đoàn vào dự hội nghị, hội thảo
- (9) Nội dung hội nghị, hội thảo: Tóm tắt ngắn gọn các nội dung chính, lĩnh vực chủ yếu của hội nghị, hội thảo.
- (10) Thời gian thực hiện: Ghi rõ từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm nào. Đối với dự kiến kế hoạch của năm tiếp theo thì ghi cụ thể đến tháng hoặc quý và số ngày dự kiến tổ chức.
- (11) Địa điểm tổ chức: Ghi rõ địa phương diễn ra hội nghị, hội thảo và các hoạt động bên lề.
- (12) Nguồn, tổng kinh phí: Ghi rõ các nguồn kinh phí và tổng kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo. Nêu rõ ngân sách nhà nước/ xã hội hóa trong nước/nước ngoài. Đối với dự kiến kế hoạch năm tiếp theo, chỉ cần nêu cụ thể các nguồn kinh phí.
- (13) Tình trạng báo cáo: Đánh dấu x nếu đã có báo cáo theo quy định, bỏ trống nếu không có báo cáo.

**DANH MỤC THỐNG KÊ CÁC DỰ ÁN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ ĐÃ TIẾP NHẬN
TRONG NĂM 2020 VÀ DỰ KIẾN TIẾP NHẬN TRONG NĂM 2021**

(Kèm theo Công văn số: /BNG-CNV ngày tháng năm 2020)

STT (1)	Tên dự án/ khoản viện trợ phi dự án (2)	Tổ chức/cá nhân tài trợ (không dịch sang tiếng Việt), quốc tịch, số giấy phép (3)	Cơ quan chủ quản (có thẩm quyền phê duyệt *) (4)	Cơ quan tiếp nhận và thực hiện dự án (5)	Địa bàn thực hiện dự án (6)	Thời gian dự án (7)	Ngân sách toàn dự án đã cam kết (8)	Ngân sách dự án năm (9)	Giá trị giải ngân thực tế (10)
I. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ TIẾP NHẬN TRONG NĂM 2020									
1									
2									
...									
TỔNG CỘNG									
II. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN TIẾP NHẬN TRONG NĂM 2021									
1									
2									
...									
TỔNG CỘNG									

() theo Nghị định 93/2009/NĐ-CP đối với thời điểm trước ngày 17/9/2020 và theo Nghị định 80/2020/NĐ-CP đối với thời điểm từ ngày 17/9/2020 trở đi*

**TÌNH HÌNH TRAO, NHẬN HUÂN CHƯƠNG, HUY CHƯƠNG
VÀ CÁC DANH HIỆU KHÁC CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI NĂM 2020
VÀ DỰ KIẾN TIẾP NHẬN NĂM 2021**

(Kèm theo Công văn số: /BNG-CNV ngày tháng năm 2020)

STT	Tên danh hiệu	Tên tập thể, cá nhân	Thành tích	Nước trao danh hiệu/ Cơ quan nhận danh hiệu	Số và ngày quyết định
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. TÌNH HÌNH TRAO, NHẬN CÁC DANH HIỆU CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI NĂM 2020					
1. TRAO DANH HIỆU					
1.1					
...					
Tổng số					
2. NHẬN DANH HIỆU					
2.1					
...					
Tổng số					
II. DỰ KIẾN TRAO, NHẬN CÁC DANH HIỆU CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI NĂM 2021					
1. TRAO DANH HIỆU					
1.1					
...					
Tổng số					
2. NHẬN DANH HIỆU					
2.1					
...					
Tổng số					
...					

Ghi chú: (1) Tên danh hiệu:

- Đối với trao danh hiệu: Huân chương, Bằng khen Thủ tướng, Bằng khen cấp Bộ, Kỷ niệm chương
- Đối với nhận danh hiệu: Huân chương và tương đương; Khen thưởng cấp Bộ, ngành, địa phương

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TRỌNG TÂM CỦA ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
VÀ KIẾN NGHỊ VỚI BỘ NGOẠI GIAO**

Địa phương	STT	Nội dung và ý nghĩa hoạt động	Dự kiến thời gian	Cấp tham dự	Đề nghị Bộ Ngoại giao hỗ trợ	Ghi chú
VD: An Giang	1					
	2					

